TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 02 - 2019
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tuyên

Ông Đỗ Hồng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thịnh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2018/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Khu 2, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

- Bị đơn: Chị ĐinhThị Thùy D, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Khu 2, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện tại: Khu 3, xóm B, xã V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn N (bố đẻ anh B), sinh năm 1956 (có mặt)

2. Bà Ngô Thị T (mẹ đẻ anh B), sinh năm 1960 (có mặt)

3. Chị Nguyễn Thị H (chị dâu anh B), sinh năm 1984 (có mặt)

Đều cư trú: Khu 2, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

4. Anh Nguyễn Anh L (anh ruột anh B), sinh năm 1983 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT: Khu 2, thôn Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

Nơi ĐK tạm trú: Thôn M, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Thanh B trình bày: Anh và chị Đinh Thị Thùy D kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Y cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 13 tháng 6 năm 2014. Nhưng đến tháng 10 năm 2014 gia đình mới tổ chức lễ cưới cho anh chị và thời gian này chị D mới chính thức về làm dâu và ăn, ở chung với gia đình anh nhưng tiền thu nhập vợ chồng anh quản lý riêng; khoảng tháng 6 năm 2016 anh chị thuê nhà làm ăn ở riêng nơi khác. Tình cảm vợ chồng bình thường đến đầu năm 2015 phát sinh mâu thuẫn; tháng 01 năm 2017 sống ly thân nhau cho đến nay không dàn xếp gì. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí là đánh nhau. Nay anh xác định tình cảm không còn, anh xin được ly hôn.

Bị đơn là chị Đinh Thị Thùy D trình bày: Về thời gian, thủ tục đăng ký kết hôn, thời gian tổ chức lễ cưới như anh B trình bày. Sau khi đăng ký kết hôn chị về làm dâu ngay và vợ chồng làm ăn ở chung với bố mẹ anh B khoảng 02 năm 06 tháng mới thuê nhà làm ăn ở riêng nơi khác. Cuộc sống vợ chồng bình thường đến cuối năm 2014 đã phát sinh mâu thuẫn và đầu năm 2017 mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân nhau đến nay không dàn xếp gì. Nguyên nhân là do anh B không quan tâm đến vợ con, không chia sẻ gánh nặng kinh tế với chị, thường xuyên đánh đập chị và anh B còn có mối quan hệ phức tạp với người phụ nữ khác, chị đã khuyên bảo nhưng anh B không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh B xin ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 02 con là Nguyễn Thu A, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014 và Nguyễn Minh K, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2017. Hiện tại, cháu A đang ở với anh B, cháu K đang ở với chị D. Ly hôn, anh B yêu cầu giữ nguyên việc nuôi con như hiện tại, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị D xin được trực tiếp và tiếp tục nuôi cả 02 con, chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung : Hai bên xác nhận có một số đồ dùng sinh hoạt hàng ngày, giá trị nhỏ, nên hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, theo chị D vợ chồng còn có 03 bát phường trị giá 90.000.000đ và 01 xe điện mua khoảng năm 2016 trị giá khi mua 38.000.000đ, đang do gia đình anh B quản lý. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Hai bên xác nhận không ai giữ tài sản gì của ai.

Về khoản có: Hai bên xác nhận vợ chồng không có tài sản gì cho ai vay.

Về khoản nợ: Anh B xác nhận vợ chồng không vay của ai tài sản gì. Chị D xác nhận vợ chồng có vay của bà Nguyễn Thị B (mẹ đẻ chị) 22.000.000đ để

cho anh B học lái xe ô tô và xin việc làm. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về đất canh tác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: Theo anh B, chị D không có thời gian nào làm kinh tế chung cùng gia đình anh, chưa cùng gia đình anh tạo lập hay đóng góp được công sức, tài sản gì. Ly hôn, chị D yêu cầu thanh toán công sức, anh không đồng ý.

Theo chị D: Vợ chồng ở và làm ăn chung cùng bố mẹ anh B khoảng 02 năm 06 tháng, trong thời gian này ngoài giờ dạy học chị còn phụ giúp gia đình, như đóng ốp thang giường, phơi gỗ, dọn dẹp khi xây nhà ở. Ngoài ra, chị có khoản tiền tiết kiệm trước khi cưới và tiền mừng cưới chị đưa cho bà T (mẹ đẻ anh B) nhận 200.000.000đ sử dụng vào làm nhà ở và đưa 05 chỉ vàng loại 9999 để bà T cất giữ. Ly hôn, chị yêu cầu anh B và bố mẹ anh thanh toán công sức cho chị 200.000.000đ và 05 chỉ vàng loại 9999.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Ngô Thị T trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, thời gian tổ chức lễ cưới cho anh B, chị D và thời gian chị D chính thức về làm dâu ở hẳn gia đình bà như anh B trình bày. Anh chị ăn, ở chung với gia đình bà nhưng công việc không giúp được gì, tiền ăn uống sinh hoạt cũng không phải đóng góp gì. Tháng 5 năm 2016 anh chị thuê nhà ở và làm ăn riêng. Ngôi nhà gia đình bà đang ở là của vợ chồng bà và vợ chồng anh L, chị H tạo lập, chị D không có tiền, vàng đưa cho bà và không có công sức gì đóng góp cho gia đình bà. Nay chị D yêu cầu anh B và vợ chồng bà thanh toán công sức cho chị 200.000.000đ và 05 chỉ vàng loại 9999 bà không đồng ý.

Ông Nguyễn Văn N trình bày: Ông nhất trí với ý kiến trình bày và quan điểm của bà T, ông không bổ sung thêm gì.

Anh Nguyễn Anh L trình bày: Gia đình anh tổ chức lễ ăn hỏi cho anh B, chị D tháng 6 năm 2014 và cùng ngày này anh chị đã đăng ký kết hôn. Sau khi ăn hỏi và đăng ký xong chị D ở lại gia đình anh khoảng 03-04 ngày, sau đó chị xin phép về nhà bố mẹ đẻ ở để tiện cho sinh hoạt hàng ngày vì chị D đang mang thai và gia đình anh đang xây nhà không có chỗ ở. Tháng 10 năm 2014 tổ chức lễ cưới xong thì chị D về ăn, ở chung với bố mẹ anh, còn vợ chồng anh ở chung nhà nhưng làm ăn riêng; khoảng giữa năm 2016 anh B, chị D thuê nhà nơi khác ở. Ngôi nhà gia đình đang ở chủ yếu do vợ chồng anh lo liệu chi phí xây dựng, bố mẹ anh đóng góp 300.000.000đ, vợ chồng anh B, chị D không có công sức, tiền của gì đóng góp. Nay chị D yêu cầu anh B và bố mẹ anh thanh toán công sức cho chị 200.000.000đ và 05 chỉ vàng loại 9999 anh không đồng ý.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị nhất trí với ý kiến trình bày và quan điểm của anh L, chị không bổ sung thêm gì.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn chị Đinh Thị Thùy D. Giao cháu Nguyễn Thu A, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014 cho anh Nguyễn Thanh B nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2017 cho chị Đinh Thị Thùy D nuôi dưỡng. Anh B và ông N, bà T thanh toán công sức cho chị D từ 20.000.000đ đến 25.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ giữa anh Nguyễn Thanh B và chị Đinh Thị Thùy D là vợ chồng, anh B yêu cầu xin ly hôn với chị D có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Y, huyện Y, nên xác định đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh B và chị Đinh Thị Thùy D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường, đến đầu năm 2017 mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân nhau đến nay không dàn xếp gì. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thậm chí là đánh nhau; chị D còn cho rằng anh B có mối quan hệ phức tạp với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con. Nay cả hai bên đều xác định tình cảm không còn, anh B xin ly hôn, chị D đồng ý.

Hội đồng xét xử nhận thấy anh B và chị D sống ly thân nhau thời gian đã lâu. Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng hai bên không còn thiện chí dàn xếp đoàn tụ; mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh B xin ly hôn, chị D đồng ý là trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Qua thu thập chứng cứ anh B, chị D có 02 con như anh chị đã xác nhận. Việc chị D xin nuôi cả 02 con là nguyện vọng chính đáng. Nhưng hiện tại cháu A đang ở với anh B, được anh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đảm bảo, tình cảm của cháu cũng gắn bó với anh B. Vì vậy, không đáp ứng yêu cầu của chị D được mà cần chấp nhận yêu cầu của anh B để anh được tiếp tục

nuôi dưỡng cháu A, chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu K, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp.

[4] Về tài sản, công nợ và đất canh tác: Hai bên không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về công sức: Chị D cho rằng vợ chồng làm ăn ở chung cùng bố mẹ anh B 02 năm 06 tháng. Trong thời gian này chị có phụ giúp gia đình một số công việc và chị đưa cho bà T 200.000.000đ sử dụng vào làm nhà ở và đưa 05 chỉ vàng loại 9999 để bà T cất giữ. Qua lời trình bày của các đương sự và qua thu thập chứng cứ xác định chị D có khoảng 02 năm sống chung với gia đình anh B. Chị D không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh chị có tiền, vàng đưa cho bà T để sử dụng làm nhà và cất giữ, nên không có căn cứ để xác định. Tuy nhiên, trong thời gian sống chung với gia đình anh B, chị D làm ăn chung và có công sức cùng bố mẹ anh B duy trì khối tài sản chung phát triển ổn định, vì vậy việc anh B và gia đình anh không đồng ý thanh toán công sức cho chị D là chưa đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ khi đi làm dâu. Nhưng mức thanh toán công sức theo yêu cầu của chị D là quá cao không đáp ứng toàn bộ được. Do đó, chỉ cần buộc anh B và ông N, bà T cùng có trách nhiệm thanh toán cho chị D một khoản tiền nhất định là phù hợp.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh B phải nộp 300.000đ, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Thanh B được ly hôn chị Đinh Thị Thùy D.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Thanh B được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thu A, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2014; chị Đinh Thị Thùy D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 24 tháng 7 năm 2017. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về công sức: Anh Nguyễn Thanh B và ông Nguyễn Văn N, bà Ngô Thị T có trách nhiệm thanh toán tiền công sức cho chị Đinh Thị Thùy D 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B và ông N, bà T không tự nguyện thi hành khoản tiền thanh toán công sức cho chị D thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh B phải nộp 300.000đ, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0000461 ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc. Anh B đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện Yên Lạc;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Yên Lạc;
- Ủy ban nhân dân thị trấn Y;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Mai Hương